

# BÁO CÁO CHI TIẾT KHÁCH HÀNG VAY

## (Khách hàng là Thẻ nhân)

Đơn vị tra cứu: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á  
Địa chỉ: Hà Nội  
Người tra cứu: WEBSITE.INPUTTER1 Điện thoại: 123456  
Mã số phiếu: 123456.20251027.S11A.338  
Thời gian yêu cầu: 27/10/2025 14:35:00 Thời gian gửi báo cáo: 27/10/2025 14:36:00

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHÁCH HÀNG

|                         |                             |
|-------------------------|-----------------------------|
| Tên khách hàng:         | Nguyễn Thị 1552             |
| Mã số CIC:              | 9939001125                  |
| Địa chỉ:                | Địa chỉ của khách hàng 1552 |
| Số chứng minh nhân dân: | 010001552                   |
| Giấy tờ cá nhân khác:   |                             |

### II. THÔNG TIN ĐIỂM TÍN DỤNG

| Điểm tín dụng | Hạng | Ngày chấm | Xếp hạng của khách hàng | Mô tả xếp hạng |
|---------------|------|-----------|-------------------------|----------------|
|---------------|------|-----------|-------------------------|----------------|

### III. THÔNG TIN TỔNG HỢP VỀ DƯ NỢ

#### A. THÔNG TIN DƯ NỢ HIỆN TẠI

##### 3.1. Chi tiết về nợ vay

Đơn vị tính: triệu đồng, USD

| Loại dư nợ | VND | USD |
|------------|-----|-----|
| Tổng cộng  | 0   | 0   |

##### 3.2. Thông tin Thẻ tín dụng và dư nợ thẻ tín dụng

|   |                                  |                                                                                                           |
|---|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Tổng hạn mức thẻ tín dụng        | 152 triệu đồng                                                                                            |
| 2 | Tổng số tiền phải thanh toán thẻ | 94 triệu đồng                                                                                             |
| 3 | Tổng số tiền chậm thanh toán thẻ | 0 triệu đồng                                                                                              |
| 4 | Số lượng thẻ tín dụng            | 4 thẻ                                                                                                     |
| 5 | Tên tổ chức phát hành thẻ        | 1.Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Việt Nam<br>2.Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội |

##### 3.3. Dư nợ đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC)

Hiện tại, khách hàng không có dư nợ đã bán cho VAMC.

#### B. THÔNG TIN LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG

##### 3.4. Diễn biến dư nợ 12 tháng gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng (\*)

| Thời gian | Dư nợ vay | Dư nợ thẻ | Tổng dư nợ |
|-----------|-----------|-----------|------------|
| 09/2025   |           |           |            |

|         |  |  |  |
|---------|--|--|--|
| 08/2025 |  |  |  |
| 07/2025 |  |  |  |
| 06/2025 |  |  |  |
| 05/2025 |  |  |  |
| 04/2025 |  |  |  |
| 03/2025 |  |  |  |
| 02/2025 |  |  |  |
| 01/2025 |  |  |  |
| 12/2024 |  |  |  |
| 11/2024 |  |  |  |
| 10/2024 |  |  |  |

Ghi chú: (\*):Dư nợ bao gồm cả dư nợ ngoại tệ đã quy đổi theo tỉ giá tại thời điểm phát sinh  
 (-):Thiếu kỳ báo cáo số liệu

3.5. Lịch sử nợ xấu tín dụng trong 05 năm gần nhất

Khách hàng không có nợ xấu trong 05 năm gần nhất.

3.6. Lịch sử chậm thanh toán thẻ tín dụng trong 03 năm gần nhất

| STT | Chỉ tiêu                             | Giá trị |
|-----|--------------------------------------|---------|
| 1   | Khách hàng có chậm thanh toán thẻ    |         |
| 2   | Số ngày chậm thanh toán thẻ lớn nhất | 0       |
| 3   | Số lần chậm thanh toán thẻ           |         |

3.7. Nợ cần chú ý trong vòng 12 tháng gần nhất

Khách hàng không có nợ cần chú ý trong 12 tháng gần nhất.

IV. MỘT SỐ THÔNG TIN TỔNG HỢP KHÁC

4.1. Thông tin về bảo đảm tiền vay

| STT | Chỉ tiêu                      | Giá trị |
|-----|-------------------------------|---------|
| 1   | Bảo đảm tiền vay bằng tài sản |         |
| 2   | Số lượng tài sản bảo đảm      |         |
| 3   | Số TCTD có tài sản bảo đảm    |         |

4.2. Thông tin về hợp đồng tín dụng

| STT | Hợp đồng tín dụng | Tên TCTD | Ngày ký hợp đồng | Ngày kết thúc hợp đồng |
|-----|-------------------|----------|------------------|------------------------|
|-----|-------------------|----------|------------------|------------------------|

4.3. Danh sách TCTD tra cứu thông tin về khách hàng (trong 1 năm gần nhất)

| STT | Tên tổ chức/ chi nhánh tổ chức tín dụng | Mã TCTD  | Sản phẩm tra cứu | Ngày tra cứu | Thời gian |
|-----|-----------------------------------------|----------|------------------|--------------|-----------|
| 1   | Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam           | 01901001 | QHTD             | 08/01/2025   | 15:47:34  |
| 2   | Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại    | 30319001 | QHTD             | 13/02/2025   | 10:13:22  |
| 3   | Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại    | 30319001 | QHTD             | 13/02/2025   | 10:51:22  |
| 4   | Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại    | 30319001 | TSDB             | 13/02/2025   | 11:36:22  |
| 5   | Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại    | 30319001 | Thẻ TD           | 13/02/2025   | 13:20:23  |
| 6   | Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam       | 01360002 | QHTD             | 28/02/2025   | 17:49:41  |
| 7   | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á               | 01317001 | QHTD             | 04/03/2025   | 11:05:43  |
| 8   | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á               | 01317001 | QHTD             | 18/03/2025   | 09:38:23  |
| 9   | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á               | 01317001 | Thẻ TD           | 19/03/2025   | 16:39:51  |
| 10  | Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam       | 01360002 | QHTD             | 20/03/2025   | 17:28:43  |

|    |                                             |          |        |            |          |
|----|---------------------------------------------|----------|--------|------------|----------|
| 11 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | Thẻ TD | 23/03/2025 | 17:17:10 |
| 12 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | Thẻ TD | 24/03/2025 | 19:02:54 |
| 13 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 28/03/2025 | 10:26:05 |
| 14 | Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Việt Nam | 79665001 | QHTD   | 28/03/2025 | 13:54:27 |
| 15 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 03/04/2025 | 10:20:01 |
| 16 | Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam           | 01360002 | QHTD   | 08/04/2025 | 17:37:51 |
| 17 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 18/04/2025 | 17:47:03 |
| 18 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 25/04/2025 | 14:57:19 |
| 19 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | Thẻ TD | 26/04/2025 | 10:44:47 |
| 20 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 14/05/2025 | 18:10:13 |
| 21 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 20/05/2025 | 16:15:07 |
| 22 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 29/05/2025 | 14:05:08 |
| 23 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 02/06/2025 | 16:24:57 |
| 24 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 03/06/2025 | 18:25:44 |
| 25 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 05/06/2025 | 09:25:28 |
| 26 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 10/06/2025 | 15:46:06 |
| 27 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 18/06/2025 | 12:33:52 |
| 28 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 09/07/2025 | 16:54:35 |
| 29 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 11/07/2025 | 11:00:24 |
| 30 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 16/07/2025 | 17:35:14 |
| 31 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 23/07/2025 | 16:15:17 |
| 32 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 01/08/2025 | 10:35:00 |
| 33 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 11/08/2025 | 11:59:33 |
| 34 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 15/08/2025 | 15:33:20 |
| 35 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 20/08/2025 | 17:32:58 |
| 36 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 26/08/2025 | 12:00:14 |
| 37 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 28/08/2025 | 16:25:04 |
| 38 | Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam           | 01360002 | QHTD   | 04/09/2025 | 15:01:18 |
| 39 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng         | 01309001 | QHTD   | 18/09/2025 | 11:37:28 |
| 40 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng         | 01309001 | TSDB   | 18/09/2025 | 13:23:29 |
| 41 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng         | 01309001 | Thẻ TD | 18/09/2025 | 13:45:00 |
| 42 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng         | 01309001 | Thẻ TD | 23/09/2025 | 11:21:11 |
| 43 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng         | 01309001 | QHTD   | 24/09/2025 | 13:05:51 |
| 44 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng         | 01309001 | QHTD   | 26/09/2025 | 12:03:45 |
| 45 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 01/10/2025 | 23:10:36 |
| 46 | Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam           | 310      | QHTD   | 08/10/2025 | 09:52:07 |
| 47 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 15/10/2025 | 11:55:36 |
| 48 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                   | 01317001 | QHTD   | 27/10/2025 | 14:35:56 |

KẾT THÚC BÁO CÁO

*Ghi chú: Báo cáo được tạo lập theo yêu cầu của khách hàng, đề nghị sử dụng thông tin đúng mục đích, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật hiện hành.*